

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2021/HNGĐ-ST

Ngày 18 tháng 02 năm 2021

Về việc: Ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thanh Thủy

Các Hội thẩm nhân dân: Bà: Nguyễn Thị Loan

Ông: Trần Quốc

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Khanh là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 18 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 858/2020/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2019 về việc: Ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị C**, sinh năm 1975 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Cà Mau

Bị đơn: Anh **Võ Minh S**, sinh năm 1975 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Cà Mau

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và biên bản hòa giải ngày 24/12/2020, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị C trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Võ Minh S chung sống với nhau năm 1995 hôn nhân tự nguyện, không có đăng ký kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn, trong thời gian chung sống vợ chồng xảy ra rất nhiều mâu thuẫn bất đồng quan điểm, tính tình vợ chồng không hợp nhau, thường hay cự cãi, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, chị C xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Nay chị yêu cầu được ly hôn với anh Võ Minh S.

Về con chung: có tạo được 03 con chung: Võ Chí K, sinh năm 1998, Võ Chí K, sinh năm 2002, Võ Chí L, sinh năm 2005 các con chị đang nuôi dạy, nay yêu

cầu nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: tự thỏa thuận không yêu cầu tòa án giải quyết.

Anh Võ Minh S trình bày tại biên bản hòa giải ngày 24/12/2020: Qua lời trình bày của chị C về thời gian kết hôn không có đăng ký theo quy định, về con chung, tài sản chung, nợ chung vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu tòa án giải quyết, về hôn nhân nay vợ anh yêu cầu ly hôn anh không đồng ý yêu cầu xin đoàn tụ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn chị C và anh Võ Minh S có nơi trú tại ấp Phong Điền, xã Phong Điền, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chị Nguyễn Thị C khởi kiện yêu cầu ly hôn đối với anh Võ Minh S, tranh chấp về hôn nhân. Vì vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án được xác định là "Ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Chị C là người khởi kiện nên xác định tư cách đương sự chị C là nguyên đơn, anh S là bị đơn được quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 68 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn có yêu cầu xét xử vắng mặt; bị đơn vắng mặt căn cứ theo khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị C và anh Võ Minh S kết hôn năm 1995, hôn nhân tự nguyện không có đăng ký kết hôn, có sự xác nhận của chính quyền địa phương. Chị C xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên yêu cầu được ly hôn với anh S, anh S yêu cầu đoàn tụ. Do anh S và chị C chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, nên hôn nhân giữa chị C và anh S là không hợp pháp, không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Nay chị C yêu cầu ly hôn, anh S không đồng ý ly hôn, Hội đồng xét xử xét thấy mối quan hệ hôn nhân giữa chị C và anh S không thể hàng gấn nên Tòa án không công nhận chị C và anh S là vợ chồng.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có với nhau được 03 người con chung Võ Chí K, sinh năm 1998, Võ Chí K, sinh năm 2002, Võ Chí L, sinh năm 2005 các con chị đang nuôi dạy, nay yêu cầu nuôi con, không yêu cầu

cấp dưỡng.

Xét, con chung tên Võ Chí K, sinh năm 1998 (đã trưởng thành) Võ Chí K, sinh năm 2002, Võ Chí L, sinh năm 2005 sống chung với chị C và nguyện vọng của các cháu muốn sống với chị C, hiện đang đi học nên gần gũi với chị C, ổn định về thời gian, phát triển tốt về mọi mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, ghi nhận tự nguyện giữa cháu K và cháu L, cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng, chị C không đặt ra việc cấp dưỡng. Anh S không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc nuôi dạy con chung không ai có quyền ngăn cản.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí: Chị C tự nguyện chịu toàn bộ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 và khoản 3 Điều 68; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 và Điều 238; Điều 266; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 14; Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Không công nhận Chị Nguyễn Thị C và anh Võ Minh S là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao cháu Võ Chí K, sinh năm 2002, Võ Chí L, sinh năm 2005 cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, chị C không đặt ra việc cấp dưỡng. Anh S không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc nuôi dạy con chung không ai có quyền ngăn cản.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị C tự nguyện chịu 300.000 đồng, ngày 14/12/2020 theo biên lai số 0004411 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau được chuyển thu đối trừ.

Án xử sơ thẩm, các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật

thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng NV-KT TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời;
- UBND xã Phong Điền, huyện TVT
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Trương Thanh Thủy